

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 01- 2018.

V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán:

Ông Võ Văn Linh

Ông Nguyễn Thành Tấn

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:*** Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 37/2017/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 288 /2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Như Y, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Tấn C, sinh năm: 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trịnh Tấn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Như Y trình bày:*

Chị với anh C qua mai mối của cô ruột anh C nên đã quen biết, tìm hiểu, đi đến hôn nhân. Anh chị tổ chức lễ cưới tháng 06/2002 và được UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2004.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa chị với anh C là do mâu thuẫn giữa chị với mẹ chồng, anh C không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; đồng thời, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2015 cho đến nay. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Trịnh Hoàng N, sinh ngày 05/6/2014 hiện đang sống chung với chị. Nay chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trịnh Hoàng N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trịnh Tấn C trình bày:*

Anh thống nhất trình bày của chị Y về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay chị Y xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh với chị Y có 01 con chung tên Trịnh Hoàng N, sinh ngày 05/6/2014. Ly hôn anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

* Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Như Y được ly hôn với anh Trịnh Tấn C.

2. Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Như Y được tiếp tục nuôi con chung tên Trịnh Hoàng N, sinh ngày 05/6/2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trịnh Tấn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y, anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/8/2017, anh Trịnh Tấn C kháng cáo không đồng ý giao con chung tên Trịnh Hoàng N cho chị Huỳnh Thị Như Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi con chung tên Trịnh Hoàng N, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trịnh Tấn C giữ nguyên nội dung kháng cáo không đồng ý giao con chung tên Trịnh Hoàng N, sinh ngày 05/6/2014 cho chị Huỳnh Thị Như Y. Anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Y không đồng ý yêu cầu của anh C. Chị Y yêu cầu giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung, kháng cáo yêu cầu xin được nuôi con chung của anh Trịnh Tấn C không có cơ sở chấp nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót về án phí. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS năm 2015 sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Y kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn, HĐXX thấy rằng:

[1] Trong quá trình xét xử, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh C, chị Y đều thống nhất xác định: Anh chị đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, giữa hai người không còn tình cảm với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời, chị Y và anh C đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2015 cho đến nay. Mặt khác, yêu cầu xin ly hôn của chị Y đã được anh C đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Tấn C về việc xin được trực tiếp nuôi con chung, HĐXX nhận thấy: Giữa chị Y với anh C có 01 con chung tên Trịnh Hoàng N, sinh ngày 05/6/2014; hiện cháu Nam đang sống chung với chị Y, cuộc sống đang ổn định. Chị Y đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc tốt cho cháu Nam. Chị Y có công việc ổn định với mức thu nhập 4.500.000 đồng/tháng nên đảm bảo điều kiện sống của cháu Nam. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường, không ảnh hưởng đến tâm Y của cháu N nên Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giao cháu N cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp. Anh C kháng cáo cho rằng chị Y không chăm sóc tốt cho cháu N nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên căn cứ khoản 2 Điều 91 BLTTDS 2015 nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh C.

[3] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y nhưng buộc anh C phải chịu án phí là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên HĐXX cần thiết phải sửa án sơ thẩm về án phí.

Vì vậy, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận Y kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Tấn C. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Tấn C.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 11, 89, 91, 92, 93 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 BLTTDS năm 2015;

Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Như Y với anh Trịnh Tấn C.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Như Y được ly hôn với anh Trịnh Tấn C.

[2] Về nuôi con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Hoàng N, sinh ngày 05/6/2014 cho chị Huỳnh Thị Như Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Như Y không yêu cầu anh Trịnh Tấn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh C thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí:

- *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Huỳnh Thị Như Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch với số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007363 ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm*: Anh Trịnh Tấn C không phải chịu án, hoàn trả cho anh C số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) mà anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009393 ngày 15/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh KG.
- TAND Tp R;
- T.H.A DS Tp. R;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Võ Kế Nghiệp